

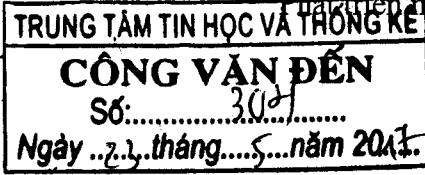
**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỔNG CỤC THỦY SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1104**/TCTS-KTTS

Hà Nội, ngày 1 tháng 5 năm 2017

V/v lấy ý kiến dự thảo văn bản trên
Website của Bộ Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn



Kính gửi: Trung tâm tin học và Thống kê

Thực hiện kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2017, Tổng cục Thủy sản được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao chủ trì xây dựng Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, theo trình tự, thủ tục rút gọn, trình Chính phủ trong quý II năm 2017. Để đảm bảo tiến độ xây dựng Nghị định theo ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Tổng cục Thủy sản đề nghị Trung tâm tin học và Thống kê đăng Dự thảo Tờ trình, Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 67/2014/NĐ-CP trên Website của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để lấy ý kiến góp ý theo quy định (Dự thảo gửi kèm)

Ý kiến góp ý bằng văn bản gửi theo địa chỉ số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội hoặc bằng email theo địa chỉ khaithactuysan@mard.gov.vn trước ngày 30/5/2017.

Tổng cục Thủy sản rất mong nhận được phối hợp của Trung tâm tin học và Thống kê./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục trưởng (để b/c);
- PTCT Nguyễn Ngọc Oai (để b/c);
- Trung tâm Thông tin TS (để đăng);
- Lưu: VT, KTTS(06 bản)

**TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KHAI THÁC THỦY SẢN**



Nguyễn Văn Trung

Thông tin liên hệ: Ông Nguyễn Tiến Thắng, chuyên viên Vụ Khai thác thủy sản, Tổng cục Thủy sản. ĐT: 0983.078.117.

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4040** /BNN-TCTS

Hà Nội, ngày **18** tháng 5 năm 2017

V/v xin ý kiến góp ý Dự thảo Tờ trình,
Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung
Nghị định 67/2014/NĐ-CP

Kính gửi:

Thực hiện kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2017, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được Chính phủ giao chủ trì xây dựng Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, theo trình tự, thủ tục rút gọn, trình Chính phủ trong quý II năm 2017. Để đảm bảo tiến độ xây dựng Nghị định theo ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính đề nghị quý đơn vị có ý kiến góp ý đối với Dự thảo Tờ trình, Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 67/2014/NĐ-CP (Dự thảo gửi kèm)

Ý kiến góp ý bằng văn bản gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn qua Tổng cục Thủy sản trước ngày 30/5/2017, theo địa chỉ số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội; gửi bản mềm theo địa chỉ email: khaithactuysan@mard.gov.vn.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mong nhận được sự phối hợp của quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Xuân Cường (để b/c);
- Lưu: VT, TCTS (70 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
PHỤ TRƯỞNG**

Vũ Văn Tám

Số: /TTr-BNN-TCTS

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**V/v ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định
67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ
về một số chính sách phát triển thủy sản**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 113/NQ-CP ngày 31/12/2016 của Chính phủ về kết quả Hội nghị Chính phủ với địa phương và phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 12 năm 2016 trong đó, giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 67/2014/NĐ-CP theo trình tự, thủ tục rút gọn, trình Chính phủ trong quý II năm 2017 trên cơ sở báo cáo tổng kết, đánh giá việc triển khai thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan xây dựng và xin kính trình dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản với nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI

1. Một số kết quả đạt được trong triển khai thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ-CP

Ngày 07/7/2014 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản (sau đây gọi tắt là Nghị định 67); Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015; Nghị định số 172/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 67/2014/NĐ-CP. Nghị định 67 bao gồm nhiều nhóm chính sách phát triển thủy sản mang tính đột phá, đồng bộ, phù hợp với tâm tư nguyện vọng của đông đảo ngư dân, góp phần quan trọng vào việc phát triển ngành thủy sản theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tái cơ cấu ngành thủy sản, phát triển bền vững;

Các Bộ, ngành và địa phương đã tích cực tổ chức hướng dẫn kịp thời; các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện cơ bản được các Bộ, ngành liên quan đã tích cực hướng dẫn, giải đáp hoặc báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các nội dung vượt thẩm quyền, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan chức năng và người dân tổ chức thực hiện; Mục tiêu của chính sách về

hiện đại hóa tàu cá bước đầu đã đạt được thể hiện thông qua kết quả thực hiện chính sách vay vốn tín dụng để đóng mới, nâng cấp tàu cá cụ thể: có trên 50% là tàu đóng mới vỏ thép, vỏ vật liệu mới, với trên 52 % tàu có công suất trên 800CV được trang bị hiện đại. Các tàu cá có công suất lớn, trang bị hiện đại đi vào hoạt động đã làm thay đổi nhận thức, tác phong làm việc của ngư dân theo hướng công nghiệp; điều kiện làm việc, sinh hoạt của thuyền viên trên tàu cá được cải thiện và nâng cao; tàu cá đóng mới đi vào hoạt động đạt hiệu quả, đặc biệt là các tàu vỏ thép làm nghề chụp hoặc nghề lưới vây tại các tỉnh miền Trung; nhiều tàu hoạt động hiệu quả, chủ tàu đã bắt đầu trả nợ lãi và vốn vay đóng mới tàu cá theo tiến độ cho ngân hàng. Cụ thể một số kết quả thực hiện các nhóm chính sách như sau:

- Tính đến 28/02/2017, các ngân hàng thương mại đã ký hợp đồng tín dụng để đóng mới, nâng cấp 932 tàu, chiếm 48 % tàu cá được phê duyệt đủ điều kiện đóng mới, nâng cấp tàu, với số tiền cam kết cho vay khoảng 9.139 tỷ đồng. Hiện đã có 557 tàu cá đóng mới và 104 tàu nâng cấp đi vào hoạt động tại các tỉnh trong đó có 188 tàu vỏ thép, 22 tàu composite và 347 tàu vỏ gỗ và nâng cấp 105 tàu. Các tàu này chủ yếu làm nghề lưới vây, rê, chụp. Số tàu cá đóng mới đi vào hoạt động sản xuất đều đạt hiệu quả cao, an toàn. Tính đến ngày 28/02/2017, các chủ tàu đã trả nợ gốc cho ngân hàng đạt 65 tỷ đồng, tổng dư nợ còn 7.963 tỷ đồng.

- Các Ngân hàng thương mại đã thẩm định, kí hợp đồng với 250 chủ tàu và thực hiện giải ngân với tổng số tiền gần 604 tỷ đồng tại các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Tiền Giang, Phú Yên, Thừa Thiên Huế, Khánh Hòa, Bạc Liêu, Bình Thuận, Ninh Thuận. Hiện có 85 khách hàng còn dư nợ với số tiền gần 23 tỷ đồng.

- Hỗ trợ bảo hiểm thân tàu và bảo hiểm tai nạn thuyền viên:

+ Năm 2015: Tổng số tàu tham gia bảo hiểm thân tàu, ngư lưới cụ là 10.602 tàu cá; tổng số lượng thuyền viên được bảo hiểm là 102.784 thuyền viên; tổng số phí bảo hiểm là 261,9 tỷ đồng. Tổng giá trị bảo hiểm là 25.169 tỷ đồng;

+ Năm 2016: Đến 31/12, số tàu tham gia bảo hiểm thân tàu, ngư lưới cụ là 21.821 tàu cá với giá trị bảo hiểm là 393 tỷ đồng, đã hỗ trợ được 336 tỷ đồng; số lượng thuyền viên được hưởng bảo hiểm là 190.863 thuyền viên với số phí bảo hiểm là 55,4 tỷ đồng. Tổng giá trị bảo hiểm là 447,4 tỷ đồng;

- Một số chính sách khác:

+ Các địa phương đã tổ chức đào tạo, hướng dẫn thuyền viên tàu cá vận hành tàu vỏ thép, tàu vỏ vật liệu mới; hướng dẫn kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm theo công nghệ mới cho 2.347 thuyền viên với kinh phí là 9.409 triệu đồng.

+ Hỗ trợ được 3.740 chuyến biển tương đương số tiền là 155,54 tỷ đồng theo chính sách hỗ trợ vận chuyển hàng hóa từ đất liền ra tàu khai thác hải sản

xa bờ và vận chuyển sản phẩm hải sản khai thác xa bờ về đất liền cho các tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên.

+ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành 21 mẫu thiết kế tàu cá vỏ thép và 21 mẫu thiết kế tàu cá vỏ Composite; hướng dẫn các địa phương thực hiện thiết kế 21 mẫu tàu cá vỏ gỗ phù hợp với tập quán, đặc trưng vùng biển của địa phương để người dân lựa chọn.

2. Một số tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực hiện

Bên cạnh những kết quả tích cực đạt được nêu trên, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ-CP vẫn còn tồn tại một số khó khăn, vướng mắc cần được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Về chính sách đầu tư:

- Việc cân đối, bố trí kinh phí đối với các công trình đầu tư cơ sở hạ tầng cho ngành thủy sản chưa được bố trí vốn theo đúng quy định tại Điều 3 Nghị định 67/2014/NĐ-CP (*bố trí kinh phí hàng năm giai đoạn 2015 - 2020 với mức đầu tư bình quân hàng năm tăng gấp 2 lần so với mức bình quân giai đoạn 2011 - 2014*), cụ thể ngân sách năm 2015 tăng 30,5% so với 2014; năm 2016 giảm 22,5% so với năm 2015. Do đó đã ảnh hưởng tiến độ và khả năng đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng nghề cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, đặc biệt là nơi neo đậu đối với các tàu cá có kích thước lớn, tàu vỏ thép

- Nghị định 67/2014/NĐ-CP quy định vốn đối ứng của địa phương nhưng không đạt, đầu tư không đồng bộ, các cảng cá không có mái che và hệ thống xử lý nước thải trong sản xuất; chưa có hạng mục đầu tư đối với neo vét luồng lạch, đặt phao tiêu biển để tàu cập cảng, tránh trú bão ở các cảng cá loại I và khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng.

- Nguồn vốn để thực hiện đầu tư hạ tầng cho ngành thủy sản còn dàn trải, chưa tập trung để đáp ứng được trực tiếp sản xuất.

b) Về chính sách tín dụng hỗ trợ lãi suất vốn vay đóng mới, nâng cấp tàu:

Chưa có quy định đối với ngư dân đang đóng hoặc mới đóng xong nhưng vì nhiều lý do khác nhau nên không tiếp tục thực hiện dự án đóng tàu nữa muốn chuyển nhượng cho chủ tàu khác;

Trường hợp ngư dân đề nghị được vay vốn bổ sung vượt dự toán ban đầu do có sự điều chỉnh thiết kế hoặc do khối lượng vật tư thực tế vượt dự toán chưa được thực hiện;

Trường hợp tàu đóng xong đi vào hoạt động bị bắt, bị xử phạt, một số trường hợp bị tịch thu tàu nhưng chưa có phương án xử lý thu hồi vốn để bảo toàn vốn vay cho ngân hàng thương mại.

c) *Chính sách bảo hiểm*: Đây là chính sách có tính chất nhân đạo, đồng thời hỗ trợ người dân giảm bớt khó khăn và yên tâm khi hoạt động sản xuất trên biển; đảm bảo an toàn cho người và tàu cá trên biển cũng như bảo đảm tài sản thế chấp cho nguồn vốn vay đóng mới, nâng cấp. Tuy nhiên, thời gian hỗ trợ chỉ đến hết năm 2016, trong khi các khoản vay kéo dài từ 10 đến 15 năm nên khó khăn cho ngân hàng thương mại để bảo toàn nguồn vốn vay.

d) *Về cho vay vốn lưu động*: mức ưu đãi đối với ngư dân vay vốn lưu động là chưa cao trong khi cơ chế cho vay vẫn là cơ chế cho vay thương mại thông thường và phải phê duyệt qua nhiều cấp nên chưa tạo được sức hút đối với ngư dân.

d) *Về hỗ trợ đào tạo*: mới quy định hỗ trợ đào tạo thuyền viên vận hành tàu vỏ thép, vỏ vật liệu mới..., chưa quy định hỗ trợ đào tạo thuyền trưởng, máy trưởng trong khi những người này có vai trò quyết định trong việc điều hành, vận hành con tàu hoạt động khai thác an toàn, hiệu quả trên biển...

Thời gian thực hiện một số chính sách tại Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 đến hết năm 2016 mặc dù đã được Chính phủ thống nhất kéo dài thực hiện đến hết 31/12/2017. Tuy nhiên, vẫn cần thiết ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung để cho phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Dự kiến một số nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung

a) *Đối với chính sách đầu tư*: Dự kiến sửa đổi theo hướng nguồn ngân sách trung ương đầu tư đồng bộ các hạng mục cho: cảng cá loại I; khu neo đậu cấp vùng; 05 trung tâm nghề cá lớn; hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản, vùng sản xuất giống tập trung.

b) *Đối với chính sách tín dụng hỗ trợ lãi suất vốn vay đóng mới, nâng cấp tàu cá*: sửa đổi theo hướng chỉ hỗ trợ đóng mới, nâng cấp tàu cá từ lớn hơn 90CV đến nhỏ hơn 400CV lên tàu trên 800CV, không làm tăng số lượng tàu xa bờ và chuyển đổi nghề lưới kéo sang các nghề cần khuyến khích phát triển. Vì số lượng tàu khai thác xa bờ đến nay đã cơ bản đạt theo quy hoạch phát triển tàu khai thác xa bờ tại Quyết định Quyết định 1445/QĐ-TTg ngày 16/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

Bổ sung một số quy định để xử lý các trường hợp phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị định 67 như: thay đổi chủ thực hiện dự án đóng mới, nâng cấp tàu; vay vượt mức dự toán; tàu cá bị bắt giữ xử lý.

- *Đối với chính sách cho vay vốn lưu động*: Đề xuất sửa đổi bổ sung theo hướng tăng hạn mức cho vay tối đa cho một chuyến biển; sửa đổi, bổ sung thêm cơ chế cho vay (theo hình thức vay tín chấp và bỏ thủ tục UBND cấp tỉnh phê duyệt danh sách chủ tàu đủ điều kiện được vay vốn).

c) *Đối với chính sách bảo hiểm*: Đề xuất sửa đổi, bổ sung thời gian thực hiện chính sách bảo hiểm phù hợp với thời gian hợp đồng tín dụng vay

vốn đóng tàu, nâng cấp tàu giữa chủ tàu và các ngân hàng thương mại; thay thế chính sách hỗ trợ bảo hiểm đang thực hiện theo Quyết định 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

d) *Đối với chính sách ưu đãi thuế*: Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với quy định tại Luật Thuế mới và các văn bản hướng dẫn thi hành về thuế.

đ) Về một số chính sách khác:

- Hỗ trợ đào tạo hướng dẫn thuyền viên vận hành tàu vỏ thép, vỏ vật liệu mới; hướng dẫn kỹ thuật bảo quản sản phẩm đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên: đề xuất bổ sung hỗ trợ đào tạo thuyền trưởng, máy trưởng cho các tàu cá từ 90CV trở lên để giúp ngư dân vận hành khai thác an toàn, hiệu quả trên biển.

- Hỗ trợ chi phí chuyển biển: Đề xuất sửa đổi, bổ sung theo hướng hỗ trợ tàu khai thác hải sản và tàu dịch vụ hậu cần cho tàu khai thác hải sản trên các vùng biển xa (*dự kiến thay thế chính sách hỗ trợ chi phí nhiên liệu theo Quyết định 48/2010/QĐ-TTg – Tổ biên tập Báo cáo, xin ý kiến Thứ trưởng*)

e) Quy định rõ thời gian thực hiện các chính sách, để khắc phục các vướng mắc trong thời gian vừa qua.

II. QUAN ĐIỂM VÀ NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI

Việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung được tiến hành theo các quan điểm chỉ đạo sau đây:

1. Thực hiện xây dựng Nghị định sửa đổi theo trình tự, thủ tục rút gọn được qui định tại Chương VIII Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Đáp ứng ngay yêu cầu thực tế của sản xuất.

3. Bảo đảm tính phù hợp, thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

4. Bảo đảm tính kế thừa các quy định đã được áp dụng và phù hợp thực tế, đồng thời giải quyết những vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định.

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO

Thực hiện Nghị quyết số 113/NQ-CP ngày 31/12/2016 của Chính phủ về kết quả Hội nghị Chính phủ với địa phương và phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 12 năm 2016, Nghị định sửa đổi được xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn, quá trình soạn thảo được thực hiện như sau:

- Thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 67/2014/NĐ-CP theo Quyết định

- Xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 67/2014/NĐ-CP trên cơ sở tổng hợp các nội dung đã được các Bộ, ngành liên quan và địa phương phản ánh trong quá trình triển khai thực hiện;

- Tổ chức các cuộc họp giữa các bộ, ngành liên quan góp ý dự thảo

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan (Công văn số/BNN-TCTS ngày tháng 5 năm 2017);

- Đăng website xin ý kiến của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Công văn số/TCTS ngày ...tháng 5 năm 2017);

- Đã được Bộ Tư pháp thẩm định (Công văn số / ngày tháng 5 năm 2017 của Bộ Tư pháp) và cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến thẩm định, hoàn thiện dự thảo.

Dự thảo Nghị định sửa đổi đã được chỉnh sửa trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành liên quan, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và các ý kiến góp ý.

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI

Nghị định sửa đổi, bổ sung sửa đổi Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản bao gồm 04 Điều:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, gồm 12 khoản quy định các nội dung:

1. Sửa đổi Điều 1;
2. Sửa đổi khoản 1, khoản 3 và khoản 4, Điều 3;
3. Bổ sung khoản 3, Điều 4;
4. Bổ sung khoản 4, Điều 4;
5. Sửa đổi, bổ sung Điều 5;
6. Sửa đổi khoản 1, Điều 7;
7. Sửa đổi, khoản 2, Điều 7;
8. Sửa đổi, khoản 2, Điều 8;
9. Sửa đổi, bổ sung điểm e, điểm g, khoản 1, Điều 9;
10. Sửa đổi khoản 2, Điều 10;
11. Bổ sung khoản 5, Điều 12;
12. Sửa đổi, bổ sung điểm 4, Điều 13;

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng năm 2017.

Điều 3. Trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU

Quá trình lấy ý kiến góp ý và thẩm thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Bộ Tư pháp (để p/h);
- Bộ Tài chính (để p/h);
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (để p/h);
- Lưu VT, TCTS (15 bản).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Cường

Số: /2017/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân hàng nhà nước ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 09 tháng 12 năm 2000 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013; Luật Thuế giá trị gia tăng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013; Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân năm 2013; Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế năm 2013; Luật Thuế tài nguyên năm 2009; Luật Phí, lệ phí năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản (sau đây viết tắt là Nghị định 67/2014/NĐ-CP) như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

Nghị định này quy định chính sách về đầu tư, tín dụng, bảo hiểm; chính sách ưu đãi thuế; *hỗ trợ một lần sau đầu tư* và một số chính sách khác nhằm phát triển thủy sản.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 3 như sau:

“1. Ngân sách Trung ương đầu tư 100% kinh phí để xây dựng đồng bộ các hạng mục thiết yếu theo cảng cá loại I, khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng (bao gồm cầu cảng; kè bờ, kè chắn sóng, chắn cát; nạo vét luồng ra vào cảng, vùng nước neo đậu tàu; công trình neo buộc tàu; hệ thống phao tiêu biển, báo hiệu, đèn tín hiệu; hệ thống thông tin liên lạc chuyên dùng, nhà phan loại, hệ thống xử lý nước thải, nhà điều hành) và đầu tư xây dựng cảng động lực thuộc 05 Trung tâm nghề cá lớn tại Hải Phòng, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Bà Rịa Vũng Tàu, Kiên Giang”.

“3. Ngân sách Trung ương đầu tư 100% kinh phí xây dựng đối với các dự án do Bộ, ngành Trung ương quản lý đối với các hạng mục hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản; vùng sản xuất giống tập trung bao gồm: Hệ thống cấp thoát nước đầu mối (ao, bể chứa, cống, kênh, đường ống cấp, tiêu nước, trạm bơm), đê bao, kè, đường giao thông, hệ thống điện, công trình xử lý nước thải chung; nâng cấp cơ sở hạ tầng các Trung tâm giống thủy sản quốc gia, Trung tâm giống thủy sản cấp vùng, cấp tỉnh; Trung tâm quan trắc cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản, Trung tâm khảo nghiệm, kiểm định nuôi trồng thủy sản cấp Trung ương và cấp vùng”.

“4. Ngân sách trung ương đầu tư 100% kinh phí xây dựng hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung trên biển và các cơ sở nuôi biển quy mô công nghiệp vùng biển xa bờ, ven các đảo bao gồm hệ thống phao tiêu, đèn báo ranh giới khu vực nuôi, hệ thống neo lồng bè và bến lên xuống hàng phục vụ nuôi biển.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 4 như sau.

a) Đối tượng được vay vốn: Các chủ tàu khai thác thủy sản; chủ tàu dịch vụ hậu cần cung cấp dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác thủy sản xa bờ và chủ cơ sở nuôi biển quy mô công nghiệp vùng biển xa bờ, ven các đảo (sau đây gọi là khách hàng).

b) Điều kiện vay: Là các đối tượng đang hoạt động nghề khai thác thủy sản, dịch vụ hậu cần nghề cá và nuôi trồng thủy sản có hiệu quả, có khả năng tài chính và có phương án sản xuất kinh doanh cụ thể; được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

c) Hạn mức vay:

- Tối đa 80% giá trị dịch vụ hậu cần cho một chuyến đi biển đối với tàu dịch vụ hậu cần khai thác thủy sản.

- Tối đa 90% chi phí cho một chuyến đi biển đối với tàu khai thác thủy sản.

- Tối đa 80% chi phí cho hoạt động sản xuất nuôi trồng thủy sản.

d) Thời hạn cho vay

Tổ chức tín dụng và khách hàng căn cứ vào mùa vụ sản xuất (mùa vụ đánh bắt thủy sản, nuôi trồng thủy sản), thời hạn thu hồi vốn của dự án, phương án sản xuất, khả năng trả nợ của khách hàng và nguồn vốn cho vay của tổ chức tín dụng để thỏa thuận thời hạn cho vay, thời hạn duy trì hạn mức tín dụng đối với khách hàng tối đa 12 tháng.

đ) Việc cho vay vốn lưu động cho hoạt động khai thác thủy sản, dịch vụ hậu cần nghề cá, nuôi trồng thủy sản do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

4. Bổ sung khoản 4, Điều 4 như sau:

“ 4. Hỗ trợ một lần sau đầu tư đối với ngư dân đóng mới tàu cá

a) Đối tượng: Tổ chức, cá nhân (sau đây gọi là chủ tàu) đóng mới và sở hữu tàu khai thác thủy sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần cho tàu khai thác thủy sản xa bờ có tổng công suất máy chính từ 800 CV trở lên.

b) Nguyên tắc hỗ trợ sau đầu tư:

- Hỗ trợ các tàu cá đóng mới thay thế tàu cá có công suất lớn hơn 90CV hoạt động xa bờ theo quy hoạch qui định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Hỗ trợ sau đầu tư đối với tàu cá vỏ thép, vỏ vật liệu mới đã hoàn thành đóng mới.

- Tàu cá đóng mới phải sử dụng máy thủy mới. Đối với máy móc, trang thiết bị bao gồm: Máy móc, trang thiết bị hàng hải; thiết bị phục vụ khai thác; ngư lưới cụ; trang thiết bị bảo quản thủy sản; máy móc, trang thiết bị bảo quản hàng hóa; trang thiết bị bốc xếp hàng hóa, chủ tàu chỉ được hưởng hỗ trợ đối với máy móc, trang thiết bị mua mới và không được hưởng hỗ trợ đối với máy móc, trang thiết bị đã qua sử dụng.

- Trong trường hợp có nhiều chính sách hỗ trợ đóng mới tàu thì tàu đóng mới đã được hưởng chính sách hỗ trợ đóng mới tàu của Nhà nước thì không được hỗ trợ sau đầu tư theo quy định tại Nghị định này.

c) Điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ sau đầu tư

- Chủ tàu thuộc danh sách đủ điều kiện đóng mới tàu cá được Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phê duyệt.

- Chủ tàu là thành viên của tổ đội, hợp tác xã, nghiệp đoàn nghề cá, doanh nghiệp khai thác thủy sản.

- Tàu có giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, giấy chứng nhận đăng ký tàu cá và giấy phép khai thác thủy sản (đối với tàu khai thác thủy sản) hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tàu dịch vụ hậu cần) còn hiệu lực.

- Tàu được lắp đặt máy thông tin liên lạc tầm xa có tích hợp thiết bị định vị vệ tinh (GPS) kết nối được với trạm bờ để quản lý, giám sát hành trình.

d) Mức hỗ trợ đóng mới tàu:

- Đối với tàu khai thác thủy sản, tàu dịch vụ hậu cần cho tàu khai thác thủy sản vỏ thép:

+ Hỗ trợ 06 tỷ đồng/tàu đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 800CV đến dưới 1.000CV.

+ Hỗ trợ 07 tỷ đồng/tàu đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 1.000CV trở lên.

- Đối với tàu khai thác thủy sản, tàu dịch vụ hậu cần cho tàu khai thác thủy sản vỏ vật liệu mới: Hỗ trợ 06 tỷ đồng/tàu đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 800CV trở lên.

đ) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ sau đầu tư:

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ sau đầu tư của chủ tàu bao gồm:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ sau đầu tư đóng mới tàu của chủ tàu có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường/xã nơi chủ tàu cư trú về các nội dung sau: Cư trú hợp pháp của chủ tàu; Chủ tàu đã thực hiện đóng mới tàu (Đơn theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này).

+ Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân của chủ tàu.

+ Hợp đồng đóng mới tàu giữa chủ tàu và cơ sở đóng tàu;

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, giấy chứng nhận đăng ký tàu cá và giấy phép khai thác thủy sản (đối với tàu khai thác thủy sản) hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tàu dịch vụ hậu cần) còn hiệu lực

- Chủ tàu nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ sau đầu tư trực tiếp hoặc qua đường bưu điện. Trường hợp chủ tàu nộp hồ sơ qua đường bưu điện, các giấy tờ, văn bản trong hồ sơ phải là bản chính hoặc bản sao có chứng thực. Trường hợp chủ tàu nộp hồ sơ trực tiếp, các giấy tờ, văn bản trong hồ sơ là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu.

e) Trình tự, thủ tục thanh toán tiền hỗ trợ:

- Chủ tàu thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ sau đầu tư hoàn tất hồ sơ đề nghị thanh toán tiền hỗ trợ sau đầu tư theo quy định tại điểm đ, khoản 4, Điều 1 Nghị định này nộp cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi tàu cá đóng mới được phê duyệt theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Căn cứ vào hồ sơ của chủ tàu, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của chủ tàu, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, rà soát hồ sơ của chủ tàu, nếu thấy hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản thông báo cho chủ tàu. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của chủ tàu, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm

định về hồ sơ đề nghị thanh toán tiền hỗ trợ, về tổng giá trị đầu tư đóng mới tàu cá và số tiền hỗ trợ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt về số tiền hỗ trợ cho chủ tàu. Kết quả thẩm định phải được lập thành văn bản và được lưu giữ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng với hồ sơ đề nghị thanh toán tiền hỗ trợ.

- Căn cứ kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định về số tiền hỗ trợ cho chủ tàu trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Quyết định về số tiền hỗ trợ cho chủ tàu (sau đây gọi là Quyết định) được gửi cho chủ tàu có tên trong Quyết định và các cơ quan: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài chính; Kho bạc Nhà nước tỉnh, cơ quan quản lý thủy sản địa phương, Kho bạc Nhà nước cấp huyện nơi có chủ tàu được hỗ trợ và được niêm yết, công bố công khai tại trụ sở cơ quan.

- Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính lập lệnh chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Căn cứ lệnh chi tiền của Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước thực hiện xuất quỹ ngân sách, chuyển tiền vào tài khoản cho chủ tàu trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc hoặc cấp tiền mặt cho chủ tàu trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Lệnh chi tiền của Sở Tài chính. Kho bạc Nhà nước huyện thông báo công khai lịch cấp tiền hỗ trợ cho chủ tàu tại trụ sở cơ quan để chủ tàu tới Kho bạc Nhà nước làm thủ tục lĩnh tiền hỗ trợ trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Lệnh chi tiền của Sở Tài chính.

- Về thủ tục nhận tiền hỗ trợ tại Kho bạc Nhà nước: Chủ tàu căn cứ quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và lịch cấp tiền hỗ trợ do Kho bạc Nhà nước thông báo, đến Kho bạc Nhà nước huyện để làm thủ tục nhận tiền hỗ trợ. Để được nhận tiền hỗ trợ, chủ tàu phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân của chủ tàu còn hiệu lực để đối chiếu và cung cấp tài khoản của chủ tàu (nếu có) để thanh toán tiền hỗ trợ theo hình thức chuyển khoản.

g) Lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí

- Sở Tài chính phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ số lượng tàu đóng mới được hưởng chính sách hỗ trợ sau đầu tư, mức hỗ trợ theo quy định, xác định nhu cầu kinh phí hỗ trợ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp nhu cầu của các địa phương gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ bổ sung kinh phí từ ngân sách trung ương cho các địa phương.

- Căn cứ kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ, Sở Tài chính phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân giao dự toán cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện.

- Kinh phí hỗ trợ sau đầu tư được tổng hợp vào quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh hàng năm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật ngân sách nhà nước và Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Chính sách bảo hiểm

Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm cho các tàu khai thác thủy sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác thủy sản xa bờ là thành viên tổ đội, hợp tác xã khai thác thủy sản, nghiệp đoàn nghề cá và có tổng công suất máy chính từ 90CV trở lên:

1. Hỗ trợ hàng năm 100% kinh phí mua bảo hiểm tai nạn thuyền viên cho mỗi thuyền viên làm việc trên tàu.

2. Hỗ trợ hàng năm kinh phí mua bảo hiểm thân tàu, trang thiết bị, ngư lưới cụ trên mỗi tàu (bảo hiểm mọi rủi ro) với mức:

a) 70% kinh phí mua bảo hiểm đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 90CV đến dưới 400CV.

b) 90% kinh phí mua bảo hiểm đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 7 như sau:

“1. Hỗ trợ 100% chi phí đào tạo thuyền trưởng, máy trưởng tàu; chi phí đào tạo, hướng dẫn thuyền viên vận hành tàu vỏ thép, tàu vỏ vật liệu mới; hướng dẫn kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 90CV trở lên.”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 7 như sau:

“2. Hỗ trợ chi phí nhiên liệu cho tàu khai thác thủy sản, tàu dịch vụ hậu cần cho tàu khai thác thủy sản trên các vùng biển xa có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên.

a) Đối tượng: chủ tàu có tàu khai thác thủy sản, tàu dịch vụ hậu cần cho tàu khai thác thủy sản trên các vùng biển xa bờ (còn gọi là vùng biển khơi và vùng biển cả) có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Tàu khai thác thủy sản, tàu dịch vụ hậu cần cho tàu khai thác thủy sản trên các vùng biển xa bờ có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đủ điều kiện tham gia hoạt động trên các vùng biển xa bờ.

- Tàu có hoạt động khai thác thủy sản, dịch vụ hậu cần cho tàu khai thác thủy sản trên các vùng biển xa, được xác nhận bằng hệ thống giám sát định vị vệ tinh (GPS) của cơ quan chức năng quản lý trạm bờ;

- Chủ tàu là thành viên của tổ đội, hợp tác xã, nghiệp đoàn nghề cá, doanh nghiệp khai thác thủy sản;

- Có xác nhận của chủ tàu khai thác thủy sản xa bờ (số hiệu tàu, tên người mua, số lượng thủy sản thu mua) đối với tàu dịch vụ hậu cần;

- Ghi và nộp nhật ký khai thác của từng chuyến biển cho cơ quan quản lý nhà nước về khai thác thủy sản tại địa phương đối với tàu khai thác thủy sản.”

c) Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 20 triệu đồng/chuyến biển đối với tàu có tổng công suất máy chính dưới 1.000CV, hỗ trợ tối đa 08 chuyến biển/tàu/năm;

- Hỗ trợ 40 triệu đồng/chuyến biển đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 1.000CV trở lên, hỗ trợ tối đa 08 chuyến biển/tàu/năm.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 như sau:

“2. Đối với chi phí duy tu, sửa chữa định kỳ; *hỗ trợ chi phí nhiên liệu cho tàu khai thác hải sản, tàu dịch vụ hậu cần cho tàu khai thác hải sản trên các vùng biển xa có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên; kinh phí hỗ trợ một lần sau đầu tư đối với ngư dân đóng mới tàu cá và chính sách bảo hiểm: Ngân sách trung ương hỗ trợ 100% kinh phí đối với các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách và tỉnh Quảng Ngãi; ngân sách trung ương hỗ trợ 50% kinh phí đối với các địa phương có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách trung ương dưới 50%; các địa phương còn lại sử dụng ngân sách địa phương để thực hiện.*”

9. Sửa đổi, bổ sung điểm e, điểm g, khoản 1, Điều 9 như sau:

“e) Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện, định kỳ sơ kết; chủ trì, phối hợp với các Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan hàng năm *tổng kết triển khai thực hiện Nghị định và báo cáo Chính phủ.*”

“g) *Căn cứ Đề án tổ chức đưa tàu cá đi khai thác ở ngoài vùng biển Việt Nam được Thủ tướng chính phủ phê duyệt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành và địa phương để phân bổ số lượng tàu cá đóng mới thay thế theo khoản 4 Điều 1 Nghị định này.*”

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 10 như sau:

“2. Giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đối tượng được hỗ trợ quy định tại điểm b, khoản 1 và khoản 4 Điều 4; đối tượng được hỗ trợ theo quy định tại Điều 5; đối tượng được hỗ trợ theo quy định tại Điều 7 Nghị định này gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt làm cơ sở thực hiện.”

11. Bổ sung khoản 5, Điều 12 như sau:

“5. Chủ tàu khai thác thủy sản, tàu dịch vụ hậu cần không được hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước nếu vi phạm ~~trái phép~~ vùng biển các nước để đánh bắt thủy sản và các quy định khác của pháp luật”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, Điều 13 được như sau:

Thời gian thực hiện các chính sách quy định trong Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 được quy định như sau:

a) Chính sách tín dụng đóng mới, nâng cấp tàu cá quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 67/2014/NĐ-CP được thực hiện đến hết ngày 31/12/2017. Các khoản giải ngân vốn vay đóng mới, nâng cấp tàu sau ngày 31/12/2017 được hưởng chính sách hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định 67/2014/NĐ-CP.

b) Chính sách hỗ trợ bảo hiểm đối với tàu cá vay đóng mới theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP và thuyền viên làm việc trên các tàu cá này: thời gian thực hiện hỗ trợ bảo hiểm liên tục 11 năm đối với tàu vỏ gỗ và 16 năm đối với tàu vật liệu vỏ thép vỏ vật liệu mới; thời gian tính hỗ trợ bảo hiểm từ khi tàu bắt đầu đi hoạt động.

c) Các chính sách khác được quy định tại Nghị định 67/2014/NĐ-CP được thực hiện đến hết 31/12/2020.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng năm 2017.

2. Bãi bỏ khoản 5, Điều 7 và khoản 3 Điều 10 của Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.

Điều 3. Trách nhiệm hướng dẫn và thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch các Hội, Hiệp hội ngành hàng thủy sản trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTN (250 bản).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục I

(Kèm theo Nghị định số /2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 67/2014/NĐ-CP)
(Dành cho chủ tàu)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ MỘT LẦN SAU ĐẦU TƯ

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh/thành phố...

Tôi tên là:

Số CMND/Thẻ căn cước công dân:....., Ngày cấp:....., Nơi cấp:

Địa chỉ:..... Điện thoại:

Là chủ tàu số đăng ký:

Công suất máy chính:

Nghề đăng ký hoạt động:

Tôi đã đóng tàu vỏ thép/vỏ vật liệu mới... với tổng số tiền đầu tư đóng mới (bao gồm cả máy móc, trang thiết bị mua mới) là,... (bằng chữ:.....).

Thời điểm ký hợp đồng đóng tàu: Ngày... tháng... năm...;

Căn cứ Nghị định số/2017/QĐ-TTg ngày tháng năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ, tôi đề nghị được quyết toán hỗ trợ đóng mới tàu với số tiền là.....: (bằng chữ:.....)

Tên người thụ hưởng: số tài khoản... tại ngân hàng/Kho bạc...(nếu nhận hỗ trợ theo hình thức chuyển khoản).

Tôi cam kết việc đóng mới tàu, mua mới máy móc, trang thiết bị nêu trên là đúng sự thật và tôi chưa nhận hỗ trợ đóng mới tàu theo chính sách hỗ trợ khác của Nhà nước. Nếu khai sai, tôi sẽ hoàn trả lại số tiền đã nhận hỗ trợ một lần sau đầu tư và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết của mình./.

Các tài liệu gửi kèm gồm:

-.....;

-.....;

-.....

....., ngày... tháng... năm...

Người đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã